Week 5

UNIT 3: AT HOME (Ở NHÀ)

A. What a Lovely Home!

Period 13: **A1 (p.29,30)**

* ***Vocabulary:***

	Words	**Meaning**
1.	awful (adj.)	kinh khủng
2.	Have a seat (v) = sit down, please (v)	Mời ngồi
3.	comfortable (adj.)	thoải mái, dễ chịu
4.	lovely(adj.)	dễ thương
5.	at home / at school/ **at** work	ở nhà / ở trường / ở sở làm
6.	**Go** shopping = **do** the shopping	Đi mua sắm
7.	bright (adj.)	Sáng
8.	the rest **of** (n)	phần còn lại
9.	Of course (exp.)	Tất nhiên, dĩ nhiên
10	a bathroom (n)	nhà tắm
11	tub (n) = bathtub (n)	bồn tắm
12	sink (n)	bồn rửa
13	shower (n)	Vòi sen
14	modern (adj.)	hiện đại
15	kitchen(n)	nhà bếp
16	Amazing (adj)	Ngạc nhiên
17	washing machine (n)	máy giặt
18	a refrigerator (A.E) = fridge (B.E)	tủ lạnh
19	dishwasher (n)	Máy rửa chén
20	dryer (n)	máy sấy
21	an electric stove (n)	bếp điện
22	convenient (adj.) ≠ inconvenient (adj)	tiện nghi, tiện lợi≠ bất tiện

Remember:** ***Exclamation (câu cảm thán)

What + (a/ an) + **adj** + N(s)**!**

Ex: ***What*** an awful day **!** = The day is very awful.
What a beautiful bathroom**!** = The bathroom is very beautiful

Answers* (p.30)(*Phần này các em làm vào sách)

a) Hoa and Lan talk about : Living room, Hoa`s room, bathroom and kitchen.
b) Because pink is Lan`s favotite colour.
c) It has a sink, a tub and a shower.
d) It has everything: washing machine, dryer, refrigerator, dishwasher, electric stove….

Homework:

- Learn by heart vocabulary, remember and do the exercises below.
- Prepare: vocabulary in A2 (page 30,31)

Exercises:

* **REWRITE:**

Exclamation (câu cảm thán)

What + (a/ an) + **adj** + N(s)**!**

Notes:

+ **Adj (tính từ)** đứng sau **"be" và "very"**
+ N (danh từ) đứng sau " the / this / that/ ..."
+ Nếu là **danh từ số ít** thì phải **thêm " a/ an" trước tính từ.**
+ Nếu tính từ là các tính từ bắt đầu là nguyên âm thì ta phải dùng **"an": interesting / awful / intelligent/ excellent/ amazing / expensive/ old ...**
+ Nếu là **danh từ số nhiều hoặc danh từ không đếm được** thì phải **bỏ " a/ an"** trước tính từ.
+ Danh từ không đếm được thường là: **weather/ water / rice …**
+ **Bỏ "VERY"** nếu có
+ Nếu chủ từ là các đại từ nhân xưng ***(I/You/ We / They / He / She / It)*** thì ta chỉ cần bỏ nó và động từ **"be"** sau nó. Ghi lại hết đúng trật tự.

1. The movie is very interesting. →What ……
2. This bed is very comfortable.→ What ……

3. The test is very difficult →What ……
4. These children are naughty.→What……
5. **She is** a pretty girl. → What ……

<u>Phương pháp học:</u>

- *<u>Từ vựng</u>*: Các em học từ vựng bằng cách đọc nó nhiều lần và viết ra giấy nháp nhiều lần từ tiếng anh và nghĩa tiếng việt cho đến khi nào thuộc. Nếu quên cách đọc hoặc không biết đọc từ đó thì tra từ điển hoặc trên google dịch.
- *<u>Cấu trúc câu:</u>* tự học câu cảm thán, đọc nhiều lần cho thuộc và làm bài tập.